

# CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH- GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ CỦA HÀ NỘI

GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn

Đại học Kinh tế Quốc dân

Với vị trí trung tâm chính trị, một trong những trung tâm kinh tế, khoa học công nghệ lớn của đất nước, Hà Nội thường được yêu cầu phải đi đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc cải thiện môi trường kinh doanh là một trong những điều kiện quan trọng hàng đầu để thực hiện yêu cầu ấy. Song, nhìn nhận môi trường kinh doanh theo các tiêu chí của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Provincial Competitiveness Index - PCI) cho thấy, Hà Nội còn cần có sự nỗ lực hết sức mạnh mẽ mới kỳ vọng thực hiện được yêu cầu “đi đầu”.

## 1. Khái quát về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

Xác định Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là kết quả hợp tác nghiên cứu giữa Dự án Sáng kiến Cạnh tranh Việt Nam (Viet Nam Competitiveness Initiative- VNCI) và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ. Dự án do công ty Development Alternatives Inc (DAI) điều hành. Quý Châu á là nhà thầu của DAI chịu trách nhiệm thực hiện hợp phần nghiên cứu môi trường chính sách của Dự án, trong đó bao gồm việc thiết kế và xây dựng chỉ số PCI.

PCI được xây dựng nhằm giúp lý giải nguyên nhân tại sao một số tỉnh thành lại tốt hơn các tỉnh thành khác về sự phát triển năng động của khu vực kinh tế dân doanh, tạo việc làm và tăng trưởng kinh tế. Bằng cách thực hiện điều tra đối với doanh nghiệp dân doanh để tìm hiểu về sự đánh

giá của doanh nghiệp đối với môi trường kinh doanh ở địa phương, kết hợp dữ liệu điều tra với các số liệu so sánh thu thập được từ các nguồn chính thức về điều kiện ở địa phương, PCI cho điểm các tỉnh theo thang điểm 100. Chỉ số PCI tổng hợp của một địa phương được xác định trên cơ sở các chỉ số thành phần với những trọng số nhất định. Năm 2005 thực hiện xếp hạng cho 42 tỉnh, thành phố (chiếm khoảng 90% GDP của cả nước) với các chỉ số thành phần là: Chính sách phát triển kinh tế tư nhân; Tính minh bạch; Chi phí và thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước; Ưu đãi với doanh nghiệp nhà nước; Chi phí không chính thức; Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất; Chi phí gia nhập thị trường. Từ năm 2006, việc xếp hạng PCI được mở rộng cho cả 64 tỉnh, thành phố và bổ sung thêm hai chỉ số: Đào tạo lao động; Thiết chế pháp lý.

Dẫu rằng đến nay vẫn còn

những ý kiến khác nhau về nội dung và phương pháp đánh giá, xếp hạng PCI, nhưng thông qua việc xếp hạng hàng năm, chỉ số này đã có tác động tới chính quyền cấp tỉnh trong việc thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh để tăng cường thu hút vốn đầu tư, góp phần phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh.

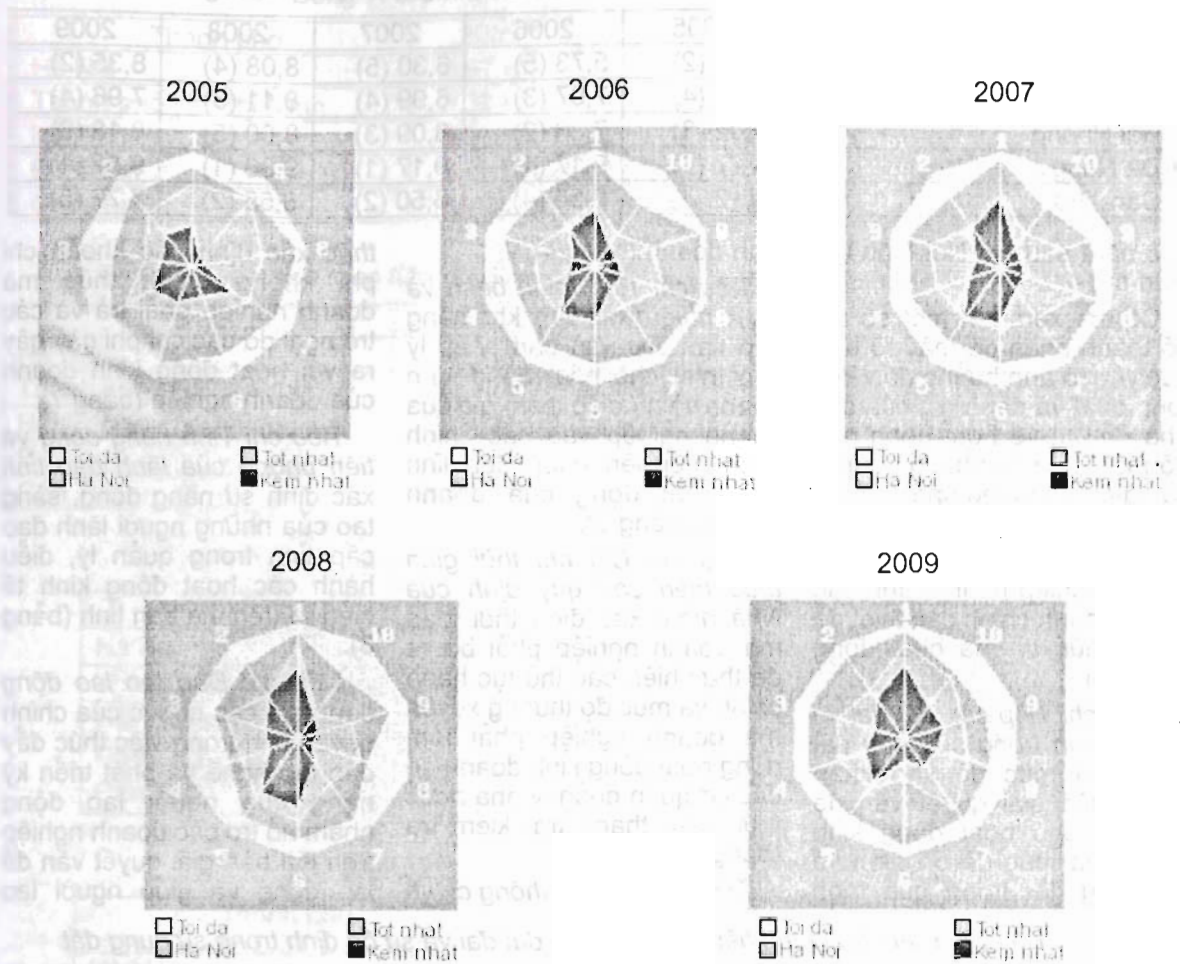
## 2. Môi trường kinh doanh của Hà Nội qua xếp hạng PCI

Năm đầu tiên thực hiện xếp hạng PCI (2005), với 60,32 điểm, Hà Nội được xếp hạng thứ 14/42 tỉnh, thành phố tham gia xếp hạng, đứng cuối nhóm PCI loại tốt. Năm 2006, chỉ với 50,34 điểm, Hà Nội tụt xuống vị trí thứ 40/64 tỉnh, thành phố và nằm trong nhóm có PCI loại trung bình. Năm 2007, với 56,73 điểm, Hà Nội vươn lên vị trí thứ 27/64 tỉnh, thành phố và nằm trong nhóm có PCI loại khá. Năm 2008, với 53,74 điểm, Hà Nội đứng ở vị trí thứ 31/64 tỉnh, thành phố và đứng đầu trong nhóm có PCI trung bình. Đến năm 2009, với 58,19

Bảng 1: Sự thay đổi xếp hạng PCI của Hà Nội so với các tỉnh, thành phố

	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng điểm các chỉ số	60,32	50,34	56,73	53,74	58,19
Xếp hạng	14	40	27	31	33
Tăng/giảm	-	- 26	+ 13	- 4	- 2

Hình 1: So sánh theo các chỉ số cấu thành PCI của Hà Nội với cả nước



điểm, Hà Nội đứng ở vị trí 33/63 tỉnh, thành phố và nằm trong nhóm có PCI trung bình.

Thứ tự các chỉ tiêu thành phần: 1/ Chi phí giá nhập thị trường; 2/ Tiếp cận đất đai; 3/ Tinh minh bạch và trách nhiệm; 4/ Chi phí và thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước; 5/ Chi phí không chính thức; 6/ Ưu đãi với doanh nghiệp nhà nước; 7/ Tinh năng động và tiên phong của lãnh đạo; 8/ dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; 9/ Đào tạo lao

động; 10/ Thiết chế pháp lý.

Qua các hình này có thể nhận xét khái quát: các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân chưa bao giờ đánh giá cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế của Hà Nội. Đại bộ phận các tiêu chí của Hà Nội đều ở nhóm các địa phương có PCI ở mức trung bình, thậm chí có những chỉ tiêu tiệm cận với nhóm có PCI thấp.

Nếu so sánh PCI chung và

các chỉ số thành phần cấu thành PCI của Hà Nội với các thành phố trực thuộc trung ương, nơi có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và chất lượng đội ngũ công chức,...có thể thấy rõ hơn đánh giá của các nhà kinh doanh về môi trường kinh doanh và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế của Hà Nội.

Năm 2005, Hà Nội đứng hàng thứ 3 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương về PCI,

Bảng 2: Vị trí PCI của Hà Nội trong các thành phố trực thuộc trung ương

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	60,32 (3)	50,34 (4)	56,73 (4)	53,74 (4)	58,19 (4)
Thành phố Hồ Chí Minh	59,61 (4)	63,39 (2)	64,83 (2)	60,15 (2)	63,22 (2)
Hải Phòng	59,40 (5)	49,98 (5)	53,19 (5)	47,68 (5)	57,57 (5)
Đà Nẵng	70,67 (1)	75,39 (1)	72,96 (1)	72,18 (1)	75,96 (1)
Cần Thơ	61,29 (2)	58,30 (3)	61,76 (3)	56,32 (3)	62,17 (3)

**Bảng 3: Điểm tính theo tiêu chí Chi phí gia nhập thị trường**

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	7,28 (2)	5,73 (5)	6,30 (5)	8,08 (4)	8,35 (2)
Thành phố Hồ Chí Minh	6,23 (4)	7,07 (3)	6,99 (4)	8,11 (3)	7,96 (4)
Hải Phòng	7,02 (3)	7,38 (2)	8,09 (3)	8,00 (5)	8,18 (3)
Đà Nẵng	8,77 (1)	9,17 (1)	9,17 (1)	9,36 (1)	9,52 (1)
Cần Thơ	6,13	6,55 (4)	8,50 (2)	8,55 (2)	7,77 (5)

các năm sau Hà Nội luôn giữ vị trí thứ 4.

Có thể xem xét một số chỉ số thành phần để thấy rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến PCI tổng quát và đánh giá của các nhà đầu tư về hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước trên các địa bàn tương ứng.

*Tiêu chí Chi phí gia nhập thị trường* thể hiện thời gian để doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục hành chính cần thiết để chính thức đi vào hoạt động (bảng 3).

*Tiêu chí Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất* xác định mức độ khó khăn trong việc giải quyết vấn đề đất đai cho hoạt động kinh doanh và mức độ ổn định về sử dụng đất trong quá trình

kinh doanh (bảng 4).

*Tiêu chí Tinh minh bạch và trách nhiệm* xác định khả năng tiếp cận các văn bản pháp lý cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ tham gia của doanh nghiệp vào các chính sách mới liên quan đến lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (bảng 5).

*Tiêu chí Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước* xác định thời gian mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính và mức độ thường xuyên mà doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động kinh doanh để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra (bảng 6).

*Tiêu chí Chi phí không chính*

thức xác định các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do các chi phí này gây ra với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (bảng 7).

*Tiêu chí Tinh năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh* xác định sự năng động, sáng tạo của những người lãnh đạo cấp tỉnh trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh tế diễn ra trên địa bàn tỉnh (bảng 8).

*Tiêu chí Đào tạo lao động* đánh giá các nỗ lực của chính quyền tỉnh trong việc thúc đẩy đào tạo nghề và phát triển kỹ năng của người lao động nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn giải quyết vấn đề lao động và giúp người lao

**Bảng 4: Điểm tính theo tiêu chí Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất**

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	6,05 (3)	4,19 (5)	4,32 (5)	4,73 (5)	5,20 (3)
Thành phố Hồ Chí Minh	8,32 (1)	5,07 (2)	5,89 (2)	5,36 (4)	4,92 (4)
Hải Phòng	5,68 (5)	4,48 (4)	5,33 (4)	5,43 (3)	4,78 (5)
Đà Nẵng	6,90 (2)	4,70 (3)	5,84 (3)	5,52 (2)	6,61 (1)
Cần Thơ	6,01 (4)	6,70 (1)	6,49 (1)	6,92 (1)	5,37 (2)

**Bảng 5: Điểm tính theo tiêu chí Tinh minh bạch và trách nhiệm**

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	4,12 (5)	5,60 (5)	6,47 (3)	6,60 (3)	6,10 (5)
Thành phố Hồ Chí Minh	5,57 (3)	6,97 (2)	7,15 (2)	6,98 (2)	6,34 (3)
Hải Phòng	5,69 (2)	6,07 (4)	5,81 (5)	6,30 (5)	6,30 (4)
Đà Nẵng	6,72 (1)	7,68 (1)	7,19 (1)	7,92 (1)	7,29 (1)
Cần Thơ	5,15 (4)	6,83 (3)	5,95 (4)	6,41 (4)	6,72 (2)

**Bảng 6: Điểm tính theo tiêu chí Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước**

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	6,78 (2)	5,25 (2)	5,83 (5)	5,27 (4)	5,88 (5)
Thành phố Hồ Chí Minh	6,56 (4)	5,12 (3)	6,24 (4)	5,07 (5)	6,48 (4)
Hải Phòng	6,42 (5)	4,41 (5)	7,56 (2)	5,58 (3)	6,94 (3)
Đà Nẵng	8,24 (1)	5,83 (1)	7,61 (1)	6,93 (1)	8,60 (1)
Cần Thơ	6,75 (3)	4,87 (4)	6,74 (3)	5,72 (2)	8,17 (2)

**Bảng 7: Điểm tính theo tiêu chí Chi phí không chính thức**

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	3,97 (4)	5,21 (5)	5,36 (5)	6,37 (2)	5,20 (3)
Thành phố Hồ Chí Minh	3,38 (5)	6,02 (2)	5,79 (4)	6,19 (3)	5,16 (5)
Hải Phòng	6,01 (2)	5,54 (4)	6,39 (3)	5,97 (5)	5,19 (4)
Đà Nẵng	4,87 (3)	6,18 (1)	6,84 (1)	6,58 (1)	6,64 (1)
Cần Thơ	7,01 (1)	5,70 (3)	6,63 (2)	6,15 (4)	6,08 (2)

**Bảng 8: Điểm tính theo tiêu chí Tinh năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh**

Thành phố	2005	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	6,23 (2)	4,23 (3)	5,19 (3)	4,70 (3)	3,45 (4)
Thành phố Hồ Chí Minh	6,11 (3)	6,18 (2)	6,00 (2)	6,64 (2)	5,22 (2)
Hải Phòng	5,32 (5)	3,76 (4)	3,23 (5)	4,43 (5)	2,84 (5)
Đà Nẵng	7,18 (1)	6,38 (1)	6,26 (1)	7,40 (1)	7,70 (1)
Cần Thơ	5,62 (4)	3,52 (5)	4,57 (4)	4,56 (4)	3,98 (3)

**Bảng 9: Điểm tính theo tiêu chí Đào tạo lao động**

Thành phố	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	5,24 (5)	5,65 (4)	4,79 (4)	5,60 (3)
Thành phố Hồ Chí Minh	7,35 (2)	6,59 (3)	5,19 (3)	6,52 (2)
Hải Phòng	5,83 (3)	4,90 (5)	3,28 (5)	5,09 (4)
Đà Nẵng	9,60 (1)	8,34 (1)	8,40 (1)	7,69 (1)
Cần Thơ	5,56 (4)	6,67 (2)	5,79 (2)	4,99 (5)

**Bảng 10: Điểm tính theo tiêu chí Thiết chế pháp lý**

Thành phố	2006	2007	2008	2009
Hà Nội	3,39 (3)	3,66 (3)	2,79 (5)	5,26 (4)
Thành phố Hồ Chí Minh	3,81 (2)	3,54 (4)	4,07 (3)	5,39 (2)
Hải Phòng	2,98 (5)	3,31 (5)	3,58 (4)	4,60 (5)
Đà Nẵng	6,38 (1)	5,49 (1)	6,55 (1)	5,31 (3)
Cần Thơ	3,80 (3)	5,06 (2)	5,08 (2)	5,96 (1)

động tìm kiếm việc làm (bảng 9).

*Thiết chế pháp lý tại địa phương* là tiêu chí đánh giá lòng tin của doanh nghiệp với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh và mức độ hiệu quả của thiết chế pháp lý này trong việc giải quyết các tranh chấp hoặc khiếu nại của doanh nghiệp với các hành vi những nhiễu của đội ngũ công chức tại địa phương (bảng 10).

Qua việc xem xét, so sánh một số tiêu chí xếp hạng PCI của 5 thành phố trực thuộc trung ương, có thể rút ra hai nhận xét khái quát sau đây:

- Thứ hạng của các thành

phố trong từng tiêu chí có sự thay đổi qua các năm. Có thể có hai nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thay đổi này: 1/ Sự khác nhau về mức độ hiệu quả của các nỗ lực đổi mới, hoàn thiện hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; 2/ Tính chủ quan của các đối tượng được phỏng vấn trong nhìn nhận hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và của đội ngũ công chức nhà nước.

- Đà Nẵng luôn được xếp thứ hạng cao trong nhóm 5 thành phố trực thuộc trung ương và trong tất cả các tỉnh, thành phố của cả nước. Trong

khí đó, Hà Nội lại thường nằm ở nửa dưới trong xếp hạng PCI của nhóm 5 thành phố này, thậm chí Hà Nội lại đứng ở chót bảng trong một số tiêu chí xếp hạng PCI.

Với các kết quả xếp hạng PCI từ năm 2005 đến 2009 có thể thấy Hà Nội không phải là địa bàn có môi trường kinh doanh tốt hơn so với các địa phương khác. Nhưng trên thực tế, Hà Nội luôn được xếp trong nhóm các tỉnh có các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế tốt hơn nhiều tỉnh có thứ hạng PCI cao hơn. Trong giai đoạn 2005–2009, giá trị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tổng

Bảng 11: Chỉ số tăng giá trị sản xuất công nghiệp của các thành phố trực thuộc

trung ương (%)

	2005	2006	2007	2008	2009
<b>Bình quân cả nước</b>	<b>117,1</b>	<b>116,8</b>	<b>116,7</b>	<b>113,9</b>	<b>107,6</b>
Hà Nội	114,6	120,6	120,4	131,1	107,2
TP Hồ Chí Minh	114,8	112,7	112,8	110,2	106,1
Hải Phòng	118,1	117,9	117,1	116,1	106,9
Đà Nẵng	115,0	103,2	113,1	102,0	108,3
Cần Thơ	123,6	121,0	124,3	114,5	106,1

Nguồn: Niên giám thống kê 2009

giá trị luân chuyển hàng hóa bán lẻ của Hà Nội đều đạt ở mức cao hơn mức bình quân của cả nước và cao hơn nhiều tỉnh, thành phố có thứ hạng PCI cao hơn Hà Nội (bảng 11).

Thật ra, thành quả phát triển kinh tế- xã hội của Hà Nội là kết quả tác động của nhiều yếu tố, khó có thể tách bóc một cách cụ thể mức độ tác động của các yếu tố thuộc về lợi thế "tự nhiên" của Hà Nội (vị trí Thủ đô của một quốc gia; sự quan tâm của Nhà nước; cơ sở hạ tầng; nguồn nhân lực,...) và mức độ tác động của các yếu tố chủ quan liên quan đến hoạt động của bộ máy chính quyền và đội ngũ công chức nhà nước. Hơn nữa, trong các năm 2008- 2009 Hà Nội phải tập trung ổn định về tổ chức và cán bộ sau khi mở rộng. Điều này chắc chắn có ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và đội ngũ công chức nhà nước. Song rõ ràng là Hà Nội còn nhiều việc phải làm để cải thiện môi trường kinh doanh. Trên thực tế, dù đã có những nỗ lực cao, nhưng nhiều yếu tố của môi trường kinh doanh liên quan đến hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở Hà Nội vẫn còn những bất cập và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh. Đó là:

- Các thủ tục hành chính vẫn còn khá nặng nề, sự miễn cưỡng và tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức nhà nước chưa cao.

- Các thông tin về luật pháp và thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư, quy chế ưu đãi... chưa được phổ cập tới công dân và doanh nhân.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn thấp xa so với yêu cầu phát triển kinh tế và xây dựng thủ đô văn minh hiện đại.

- Chính sách đất đai và giải quyết mặt bằng cho di dời những cơ sở sản xuất trong nội thành và những cơ sở sản xuất mới còn nhiều bất cập.

- Trình trạng ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng; hiệu quả của công tác cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng đô thị còn thấp kém...

### 3. Một số khuyến nghị

Đại hội Đại biểu lần thứ XIV Đảng bộ thành phố Hà Nội đã xác định tầm nhìn Thủ đô năm 2020: "Năm 2020, Hà Nội phải trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, thành phố du lịch hấp dẫn của khu vực; phát huy tốt vai trò là trung tâm lớn về văn hoá, khoa học- công nghệ, giáo dục- đào tạo, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Trên địa bàn, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được thiết lập và vận hành thông suốt; hình thành rõ nét các yếu tố của kinh tế tri thức; đô thị được cải tạo và xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại; hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, mạng lưới đường sắt đô thị phát huy hiệu quả. Cùng với việc hình thành và phát triển

các hành lang kinh tế phía Bắc- Tây Bắc, Đông- Đông Bắc với các tỉnh phía nam Trung Quốc, không gian kinh tế- xã hội của Hà Nội được mở rộng hợp lý và phát triển cả bề rộng, chiều sâu; các vùng ven nội, vùng ngoại thành (hiện nay) được khai thác, khu vực đô thị Bắc sông Hồng phát triển mạnh. Dịch vụ chất lượng cao và trình độ cao đóng vai trò trọng yếu trong nền kinh tế Thủ đô. Hình thành mạng lưới công nghiệp áp dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái. GDP bình quân đầu người dự kiến trên 6.000 USD, mức thu nhập của người dân tăng lên khoảng 3 lần so với hiện nay. Hà Nội phấn đấu đi trước 5 năm, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp".

Thực hiện nhiệm vụ hết sức nặng nề này đòi hỏi sự nỗ lực đồng bộ từ nhiều phía. Đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh là vấn đề mang tính tổng hợp. Dưới đây xin nêu một số vấn đề được coi là cấp thiết cần được giải quyết có hiệu quả ngay trong những năm trước mắt.

**Thứ nhất**, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của lãnh đạo và đội ngũ công chức nhà nước về phục vụ hoạt động sản xuất- kinh doanh hợp pháp của các doanh nghiệp.

Cải gốc của vấn đề này là đổi mới nhận thức về vai trò

của Nhà nước trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi nào có sự đồng thuận trong toàn xã hội, đặc biệt là trong đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan công quyền, về trách nhiệm tối cao của Nhà nước là huy động các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội một cách có hiệu quả và bền vững, về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy công quyền là mức độ hiệu quả và tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế- xã hội, về lòng tin của người dân với bộ máy công quyền... mới có thể có sự chuyển biến trong hành động để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh.

*Thứ hai*, thúc đẩy mạnh mẽ và kiên quyết việc cải cách hành chính, tập trung vào hai vấn đề then chốt là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức nhà nước.

Việc nghiên cứu cải cách thủ tục hành chính phải hướng tới mục tiêu đơn giản hoá các công việc mà nhà đầu tư cần thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước thực sự hoạt động với tinh thần phục vụ các nhà đầu tư. Trong thời gian trước mắt, rà soát lại tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư và kinh doanh (đăng ký kinh doanh; giấy phép đầu tư; chứng nhận quyền sử dụng đất; thủ tục thuế và hải quan...) để xây dựng quy trình chuẩn với số công việc ít nhất trong việc giải quyết các thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Công bố công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính và các loại hồ sơ, giấy tờ cần thiết phải bảo đảm. Có kế hoạch cụ thể triển khai rộng rãi và đồng bộ việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO 9000– 2000) tại các cơ quan quản lý nhà nước của Thủ đô. Trên cơ sở đó, xây dựng quy chế làm việc cụ thể cho mỗi bộ phận và mỗi chức

danh trong mỗi cơ quan.

Chất lượng đội ngũ công chức được đánh giá bởi hiệu quả giải quyết các công việc thuộc chức trách và thẩm quyền của mỗi người. Đòi hỏi với việc tạo điều kiện để mỗi công chức nâng cao năng lực chuyên môn và tính chuyên nghiệp, cần đặc biệt coi trọng việc thắt chặt kỷ luật và kỷ cương trong việc thực thi công vụ. Việc đánh giá kết quả công việc của công chức không thể chỉ dựa vào những thông tin nội bộ, mà còn cả những ý kiến nhận xét đánh giá của công dân và các doanh nghiệp có liên quan, kiên quyết xử lý những công chức gây phiền hà, những nhiều doanh nghiệp.

*Thứ ba*, tập trung cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại.

Đây vừa là yêu cầu của việc xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, vừa tạo điều kiện thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Các đối tượng cần được ưu tiên theo yêu cầu đầu tư tập trung dứt điểm là: hệ thống giao thông nội đô (gồm cả hệ thống đường nội đô và hệ thống giao thông tỉnh); các tuyến giao thông nối Thủ đô và các tỉnh xung quanh (đường bộ và các cầu qua sông Hồng); hệ thống cấp và thoát nước.

Xây dựng quy hoạch các vùng ngoại thành gắn với yêu cầu đô thị hoá. Thực hiện nghiêm ngặt yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng đi trước một bước.

Quy hoạch và phát triển mạng lưới các khu công nghiệp ở vùng ngoại thành có tính đến sự hợp tác với các tỉnh lân cận.

*Thứ tư*, coi trọng việc đào tạo nhân lực có chất lượng cao.

Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghệ cao ở Thủ đô. Thực hiện nhiệm vụ này

liên quan đến cả hệ thống giáo dục quốc gia trên các phương diện cơ cấu đào tạo, mạng lưới trường lớp, nội dung chương trình đào tạo, trang bị cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp dạy và học... Trong tổng thể các vấn đề cần giải quyết, xin nhấn mạnh công tác dạy nghề- điều mà trong thực tế Hà Nội chưa thật sự có sự quan tâm đầy đủ. Trong những năm tới, Hà Nội cần có quy hoạch lại mạng lưới trường dạy nghề và đầu tư xây dựng một số trường dạy nghề được trang bị hiện đại để đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Hà Nội và các tỉnh trong vùng.

*Thứ năm*, minh bạch hoá các thông tin về luật pháp, cơ chế chính sách của Nhà nước và của chính quyền thành phố. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư và mọi công dân có thể tìm hiểu một cách thuận lợi nhất các yếu tố thuộc môi trường luật pháp.

Cần coi trọng hơn công tác tuyên truyền, phổ biến các thông tin liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến cam kết của Việt Nam khi tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới. □

---

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XIV Đảng bộ thành phố Hà Nội, trang 59 – 60.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Văn kiện Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố Hà Nội.

2. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ XV Đảng bộ Thành phố Hà Nội.

3. Các thông tin về xếp hạng PCI trong <http://www.pcivietnam.org>.

4. Niên giám Thống kê 2009. NXB Thống kê, 2010.

5. Nguyễn Kế Tuấn (chủ biên): Kinh tế Việt Nam năm 2006– chất lượng tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007.